



# GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Văn Bình\*, Hoàng Văn Liêm

Đại học Huế, 03 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

**Tóm tắt:** Bài báo này nghiên cứu cơ chế tự chủ tài chính (TCTC) tại Đại học Huế (ĐHH) dựa trên dữ liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được từ số liệu kế toán, báo cáo thống kê... và kết quả điều tra, khảo sát 110 nhân viên kế toán và cán bộ quản lý. Kết quả cho thấy, ĐHH đã đẩy mạnh phân cấp công tác quản lý tài chính (QLTC) và cơ bản thực hiện tốt cơ chế tự chủ về nguồn thu, mức thu; về sử dụng nguồn tài chính; về tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm; về sử dụng kết quả tài chính trong năm và các quỹ... Việc phân cấp này đã giúp cho ĐHH chủ động trong QLTC và tài sản của đơn vị, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) giao tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời, nó cũng giúp tăng nguồn thu thông qua việc đa dạng hoá các hoạt động sự nghiệp, sản xuất kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết... Tuy nhiên, với mô hình đại học 2 cấp (đại học vùng) khác với mô hình của các đại học khác, việc thực hiện cơ chế TCTC vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc từ cơ chế, chính sách cho đến quá trình triển khai. Trên cơ sở đánh giá thực trạng cơ chế TCTC, tác giả đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện cơ chế TCTC tại đơn vị trong thời gian tới.

**Từ khóa:** cơ chế tự chủ, tài chính, tự chủ tài chính, đại học, giáo dục đại học, Đại học Huế

## 1 Đặt vấn đề

Trên thế giới, tự chủ đại học được xem là điều kiện cần thiết để thực hiện các phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, xu hướng chung trên toàn cầu hiện nay là chuyển dịch dần từ mô hình “nhà nước kiểm soát” sang mô hình “nhà nước giám sát” với mức độ tự chủ cao hơn đã tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) hoạt động có hiệu quả hơn.

Tại Việt Nam, trong hơn một thập kỷ qua, tự chủ đại học đã trở thành vấn đề nhận được sự quan tâm rất lớn của xã hội và chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước. Việc giao quyền tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP bước đầu có sự chuyển biến tích cực trong hệ thống cơ sở GDĐH, tạo cơ chế thuận lợi cho các cơ sở GDĐH nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chủ động hơn trong thực hiện các hoạt động của mình, cung cấp dịch vụ công theo hướng chất lượng, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc. Sự tự chủ chưa thực sự cao về tạo nguồn tài chính mà còn phụ thuộc vào mức trần học phí. Một số định mức chi vẫn phải tuân thủ các định mức kinh tế kỹ thuật không hợp lý của ngành. Trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDĐH đối với các cơ

\* Liên hệ: [lvbinh@hueuni.edu.vn](mailto:lvbinh@hueuni.edu.vn)

quan quản lý nhà nước trước xã hội và người học chưa cao. Chất lượng đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 24/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại học Huế là đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, vừa quản lý, điều hành tài chính trong phạm vi ĐHH vừa phân cấp kinh phí, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tài chính ở các đơn vị dự toán cấp 3 (các đơn vị trực thuộc). Việc thực hiện cơ chế TCTC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên đã tạo cơ hội cho ĐHH chủ động trong QLTC và tài sản của đơn vị, sử dụng NSNN giao tiết kiệm và hiệu quả. Tự chủ tài chính cũng giúp tăng nguồn thu thông qua việc đa dạng hoá các hoạt động sự nghiệp, sản xuất kinh doanh dịch vụ... để đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị. Với yêu cầu vừa phát triển quy mô đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và nghiên cứu khoa học đặt ra cho đơn vị nhiều vấn đề từ cơ chế quản lý, hệ thống chính sách đến huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của người học và xã hội. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng cơ chế TCTC tại ĐHH, từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu để hoàn thiện cơ chế TCTC tại đơn vị trong thời gian tới là vấn đề có ý nghĩa thiết thực và cấp bách.

## 2 Cơ sở lý thuyết

Mục tiêu thực hiện cơ chế TCTC: Tự chủ tài chính là trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho trường ĐHCL trong việc sử dụng nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao, phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội và tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động. Đồng thời, TCTC cũng giúp thực hiện chủ trương xã hội hoá trong việc cung cấp dịch vụ cho xã hội, huy động sự đóng góp của cộng đồng xã hội để phát triển các hoạt động giáo dục đào tạo, từng bước giảm dần bao cấp từ NSNN [6].

Các hình thức TCTC: Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định 3 hình thức tự chủ về tài chính: (1) đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên, (2) đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, (3) đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên [6].

Nội dung cơ chế TCTC: Việc thực hiện cơ chế TCTC tại ĐHH và các đơn vị trực thuộc cũng có sự khác biệt so với các đại học khác. Ngoài việc thực hiện cơ chế TCTC theo quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP, ĐHH còn được Bộ Giáo dục và Đào tạo phân cấp thực hiện một số nội dung về QLTC, tài sản [1, 2, 3], các đơn vị trực thuộc ĐHH còn phải thực hiện theo sự phân cấp của ĐHH [9]. Do vậy, nội dung cơ bản để thực hiện cơ chế TCTC tại ĐHH bao gồm: cơ chế phân cấp công tác QLTC; cơ chế tự chủ về nguồn thu, mức thu; cơ chế tự chủ về sử dụng nguồn tài chính; cơ chế tự chủ về tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm; cơ chế tự chủ về

sử dụng kết quả tài chính trong năm và các quỹ..., trên cơ sở đó xác định mức tự bảo đảm kinh phí để thực hiện cơ chế TCTC của ĐHH và các đơn vị trực thuộc [6].

Các chỉ tiêu để đánh giá mức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tổng số nguồn thu sự nghiệp, tổng số chi thường xuyên, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật [4].

$$\text{Công thức tính: } \frac{\text{Mức tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị (\%)}}{\text{Tổng số nguồn thu sự nghiệp}} = \frac{\text{Tổng số nguồn thu sự nghiệp}}{\text{Tổng số chi thường xuyên}} \times 100 \% \quad (1)$$

Mức tự bảo đảm chi thường xuyên: Nếu (1) lớn hơn 100% thì đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; nếu (1) nằm trong khoảng 10% đến 100% thì đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; nếu (1) nhỏ hơn 10% thì đơn vị do NSNN đảm bảo chi thường xuyên.

Mức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Nếu giá trị tính theo công thức (1) lớn hơn 100% và tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật thì đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

### 3 Phương pháp

#### 3.1 Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: Chủ yếu là số liệu kế toán và báo cáo thống kê tại Ban Kế hoạch – Tài chính ĐHH, các Ban liên quan và các đơn vị trực thuộc ĐHH trong giai đoạn 2013 – 2017.

Số liệu sơ cấp: Dùng bảng hỏi điều tra, khảo sát 110 người hiện là cán bộ quản lý, nhân viên kế toán tại ĐHH và các đơn vị trực thuộc về các vấn đề liên quan đến cơ chế TCTC tại đơn vị trong giai đoạn 2013 – 2017. Nội dung phiếu khảo sát được xây dựng từ kinh nghiệm công tác về QLTC của bản thân, tham khảo ý kiến của các đồng nghiệp tại Ban Kế hoạch – Tài chính ĐHH và kế thừa từ nghiên cứu trước đây [5]. Mẫu khảo sát được phân bố cho 75 người là nhân viên kế toán và 35 người là cán bộ quản lý, trong đó tại Cơ quan ĐHH 11 người (10,00%); Trường, Khoa trực thuộc 70 người (63,64%); Trung tâm, Viện, Nhà xuất bản 29 người (26,36%).

#### 3.2 Xử lý số liệu

Số liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được được xử lý trên phần mềm Excel để đưa ra kết quả nghiên cứu.

### 3.3 Thống kê mô tả

Các phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để xử lý chuỗi các thông tin, số liệu thu thập được nhằm phân tích và đánh giá tình hình TCTC trong những năm qua. Trên cơ sở các thông tin thu thập được, tiến hành so sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa khung lý thuyết đã hệ thống với thực trạng cơ chế TCTC tại ĐHH. Từ bộ số liệu qua xử lý trên Excel và thông tin thu được, tiến hành đánh giá thực trạng cơ chế TCTC tại ĐHH, xác định nguyên nhân, những nhân tố ảnh hưởng, từ đó phát hiện những vướng mắc về cơ chế TCTC, đề xuất các giải pháp chủ yếu để hoàn thiện cơ chế TCTC tại đơn vị trong thời gian tới.

### 3.4 Chuyên gia

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả thực hiện việc tham khảo ý kiến đóng góp, góp ý của các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, giảng dạy tại các trường học, các viện nghiên cứu về lĩnh vực tài chính – kế toán; ý kiến của các nhà quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác QLTC tại các trường ĐHCL để củng cố cơ sở nghiên cứu và những kết luận của mình.

## 4 Kết quả

### 4.1 Cơ chế tự chủ về nguồn thu, mức thu

Xét về quy mô nguồn thu: Nguồn thu của ĐHH trong giai đoạn 2013 – 2017 tăng bình quân 3,8%, trong đó nguồn thu sự nghiệp tăng bình quân 6,7% do thu học phí tăng 2,9%, lệ phí tăng 16,9% và hoạt động dịch vụ tăng 32,0%; NSNN cấp lại giảm bình quân 3,3% do NSNN cấp cho chi không thường xuyên giảm mạnh 11,3%, NSNN cấp cho chi thường xuyên tăng 0,5%; thu khác giảm 20,3% do chưa khai thác được các dự án khác (Bảng 1).

Xét về cơ cấu nguồn thu: NSNN chỉ chiếm từ 25,1% đến 37,9%, chủ yếu là kinh phí thường xuyên (18,7% – 22,5%); nguồn thu sự nghiệp chiếm từ 59,7% đến 71,1% chủ yếu là nguồn thu học phí (37,2% – 42,0%) và lệ phí (13,2% – 23,9%); nguồn viện trợ, tài trợ và thu khác chiếm tỷ lệ không đáng kể trong cơ cấu nguồn thu (Bảng 1).

NSNN cấp tập trung tại ĐHH đã tạo điều kiện thuận lợi để ĐHH chủ động phân cấp kinh phí cho các đơn vị, triển khai nhiều hoạt động chuyên môn mang tầm vĩ mô ở cấp Đại học vùng. Các đơn vị trực thuộc sử dụng nguồn tài chính để triển khai nhiệm vụ chuyên môn, tự chịu trách nhiệm về công tác QLTC, tạo động lực thúc đẩy đơn vị phát triển. Đối với nguồn thu sự nghiệp, ĐHH ban hành mức thu học phí của các loại hình đào tạo theo quy định của Nhà nước; các đơn vị trực thuộc xây dựng mức thu học phí và các loại thu khác theo quy định của Nhà nước và ĐHH. Nguồn thu khác phân cấp hoàn toàn cho các đơn vị trực thuộc thực hiện nhằm phát huy năng lực, sở trường, tích cực tìm kiếm các đối tác để thực hiện các hợp đồng

NCKH hay viết các đề án xin viện trợ, tổ chức các hoạt động dịch vụ... để khai thác tối đa các nguồn thu.

Đại học Huế vẫn còn phụ thuộc khá nhiều vào nguồn NSNN cấp hàng năm. Phương án giao NSNN chưa khuyến khích các đơn vị tinh giảm biên chế, khai thác tối đa nguồn thu. Nguồn NSNN cấp cho chi thường xuyên lại tăng chậm, chưa tương xứng với mức tăng của quy mô sinh viên, do vậy khó khăn trong hoạt động thường xuyên của đơn vị. Mức thu học phí còn thấp, không được vượt mức trần quy định của Chính phủ; thu từ hoạt động dịch vụ, hợp tác và chuyển giao ứng dụng sản phẩm các đề tài NCKH chiếm tỷ trọng rất thấp, khai thác nguồn viện trợ và thu khác còn hạn chế.

**Bảng 1.** Nguồn thu của Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017

Chi tiêu	2013		2014		2015		2016		2017		Tốc độ tăng BQ (%)
	Giá trị (Tr. đ)	%	Giá trị (Tr. đ)	%	Giá trị (Tr. đ)	%	Giá trị (Tr. đ)	%	Giá trị (Tr. đ)	%	
<b>1. Kinh phí NSNN cấp</b>	<b>363.442</b>	<b>35,9</b>	<b>380.379</b>	<b>34,5</b>	<b>416.472</b>	<b>34,8</b>	<b>510.364</b>	<b>37,9</b>	<b>307.490</b>	<b>25,1</b>	<b>-3,3</b>
<b>1.1. Kinh phí thường xuyên</b>	<b>227.584</b>	<b>22,5</b>	<b>240.606</b>	<b>21,8</b>	<b>241.406</b>	<b>20,2</b>	<b>251.360</b>	<b>18,7</b>	<b>232.771</b>	<b>19,0</b>	<b>0,5</b>
Kinh phí đào tạo ĐH, CĐ	210.783	20,8	223.514	20,3	224.108	18,7	234.770	17,4	227.233	18,6	1,5
Kinh phí đào tạo sau ĐH	16.100	1,6	16.456	1,5	16.648	1,4	15.660	1,2	4.500	0,4	-22,5
Quan hệ TC với nước ngoài	657	0,1	606	0,1	650	0,1	930	0,1	1.038	0,1	9,6
Đào tạo theo hiệp định	44	0,0	30	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	-100,0
<b>1.2. KP không thường xuyên</b>	<b>135.858</b>	<b>13,4</b>	<b>139.773</b>	<b>12,7</b>	<b>175.066</b>	<b>14,6</b>	<b>259.004</b>	<b>19,2</b>	<b>74.719</b>	<b>6,1</b>	<b>-11,3</b>
Kinh phí NCKH	19.934	2,0	11.843	1,1	7.883	0,7	15.714	1,2	9.478	0,8	-13,8
Kinh phí đào tạo lại	360	0,0	355	0,0	485	0,0	485	0,0	0	0,0	-100,0
Kinh phí CTMT quốc gia	34.272	3,4	58.760	5,3	4.750	0,4	16.225	1,2	350	0,0	-60,0
Kinh phí đầu tư XDCB	81.292	8,0	68.815	6,2	161.948	13,5	226.580	16,8	64.891	5,3	-4,4
<b>2. Thu hoạt động SN</b>	<b>628.732</b>	<b>62,0</b>	<b>698.279</b>	<b>63,3</b>	<b>733.521</b>	<b>61,3</b>	<b>804.285</b>	<b>59,7</b>	<b>870.154</b>	<b>71,1</b>	<b>6,7</b>
2.1. Thu học phí	425.771	42,0	432.997	39,2	460.443	38,5	500.514	37,2	490.463	40,1	2,9
2.2. Thu lệ phí	133.698	13,2	161.999	14,7	195.719	16,4	232.808	17,3	292.467	23,9	16,9
2.3. Thu từ hoạt động DV	14.656	1,4	52.903	4,8	42.802	3,6	41.082	3,1	58.782	4,8	32,0
2.4. Thu khác	54.607	5,4	50.380	4,6	34.557	2,9	29.881	2,2	28.442	2,3	-12,2
<b>3. Nguồn viện trợ, tài trợ...</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>	<b>3.112</b>	<b>0,3</b>	<b>25.504</b>	<b>2,1</b>	<b>17.006</b>	<b>1,3</b>	<b>38.985</b>	<b>3,2</b>	<b>-100,0</b>
3.1. Viện trợ, tài trợ	0	0,0	3.112	0,3	25.504	2,1	17.006	1,3	38.985	3,2	-100,0
<b>4. Thu khác</b>	<b>21.261</b>	<b>2,1</b>	<b>21.837</b>	<b>2,0</b>	<b>20.846</b>	<b>1,7</b>	<b>14.893</b>	<b>1,1</b>	<b>6.833</b>	<b>0,6</b>	<b>-20,3</b>
4.1. Dự án nguồn khác	21.261	2,1	21.837	2,0	20.846	1,7	14.893	1,1	6.833	0,6	-20,3
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.013.435</b>	<b>100,0</b>	<b>1.103.607</b>	<b>100,0</b>	<b>1.196.343</b>	<b>100,0</b>	<b>1.346.548</b>	<b>100,0</b>	<b>1.223.462</b>	<b>100,0</b>	<b>3,8</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017

#### 4.2 Cơ chế tự chủ về sử dụng nguồn tài chính

Xét về tổng chi: Tổng chi của Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017 tăng bình quân 3,5%, trong đó chi thường xuyên tăng 5,6%; chi không thường xuyên lại giảm 9,8% do các dự án đầu tư xây dựng đã kết thúc, các dự án mua sắm thiết bị giảm (Bảng 2).

Xét về cơ cấu chi: Chi thường xuyên của ĐHH trong giai đoạn 2013 – 2017 luôn chiếm tỷ trọng từ 76,7% đến 91,4%, chủ yếu là chi thanh toán cá nhân (33,4% – 39,3%) và chi cho hoạt động chuyên môn (30,9% – 38,0%), hai nội dung chi này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi thường xuyên. Chi không thường xuyên chiếm tỷ trọng từ 8,6% đến 23,3%, chủ yếu là chi cho đầu tư XDCB (5,5% – 17,3%), KHCN (0,8% – 1,8%) và không ổn định do phụ thuộc vào quá trình triển khai thực hiện các dự án XDCB, chương trình mục tiêu quốc gia và đề tài NCKH... (Bảng 2).

**Bảng 2.** Sử dụng nguồn tài chính của Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017

Chi tiêu	2013		2014		2015		2016		2017		Tốc độ tăng BQ (%)
	Giá trị (Tr. đ)	%	Giá trị (Tr. đ)	%	Giá trị (Tr. đ)	%	Giá trị (Tr. đ)	%	Giá trị (Tr. đ)	%	
<b>1. Chi thường xuyên</b>	<b>816.189</b>	<b>82,8</b>	<b>921.775</b>	<b>86,8</b>	<b>935.105</b>	<b>80,1</b>	<b>1.005.021</b>	<b>76,7</b>	<b>1.070.309</b>	<b>91,4</b>	<b>5,6</b>
Chi thanh toán cá nhân	354.362	35,9	391.928	36,9	412.532	35,3	437.874	33,4	460.745	39,3	5,4
Chi nghiệp vụ chuyên môn	339.177	34,4	371.530	35,0	383.166	32,8	405.570	30,9	445.159	38,0	5,6
Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ	56.934	5,8	104.846	9,9	44.570	3,8	44.544	3,4	48.209	4,1	-3,3
Chi khác	65.716	6,7	53.471	5,0	94.837	8,1	117.033	8,9	116.196	9,9	12,1
<b>2. Chi không thường xuyên</b>	<b>169.542</b>	<b>17,2</b>	<b>140.048</b>	<b>13,2</b>	<b>232.181</b>	<b>19,9</b>	<b>305.599</b>	<b>23,3</b>	<b>101.248</b>	<b>8,6</b>	<b>-9,8</b>
Chi nghiên cứu khoa học	17.380	1,8	14.127	1,3	12.151	1,0	9.894	0,8	15.650	1,3	-2,1
Chi đào tạo lại	480	0,0	355	0,0	485	0,0	485	0,0	0	0,0	-100,0
Chi chương trình MTQG	55.858	5,7	31.395	3,0	15.499	1,3	36.003	2,7	13.146	1,1	-25,1
Chi đầu tư xây dựng cơ bản	81.292	8,2	68.815	6,5	161.948	13,9	226.580	17,3	64.891	5,5	-4,4
Chi viện trợ, tài trợ	0	0,0	3.112	0,3	25.504	2,2	17.006	1,3	497	0,0	
Chi khác	14.532	1,5	22.244	2,1	16.594	1,4	15.631	1,2	7.064	0,6	-13,4
<b>Tổng cộng</b>	<b>985.731</b>	<b>100,0</b>	<b>1.061.823</b>	<b>100,0</b>	<b>1.167.286</b>	<b>100,0</b>	<b>1.310.620</b>	<b>100,0</b>	<b>1.171.557</b>	<b>100,0</b>	<b>3,5</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017

Đại học Huế đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiến hành xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Một số mức chi được quy định cao hoặc thấp hơn quy định của Nhà nước và được thực hiện theo phương thức khoán chi phí để tiết kiệm nhằm đổi mới cơ cấu chi thường xuyên để tăng cường chi cho đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ mà đặc biệt là chi cho công tác giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, việc phân bổ giữa các nhóm chi cũng

chưa hợp lý, chủ yếu ưu tiên chi đủ quỹ tiền lương và thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên.

#### 4.3 Cơ chế tự chủ về tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm

Tiền lương, tiền công trong giai đoạn 2013 – 2017 tăng bình quân 8,5%, nhưng thu nhập tăng thêm chỉ tăng bình quân 2,5%. Việc chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị nhằm khuyến khích việc tăng thu, tiết kiệm chi. Thu nhập của công chức, viên chức và người lao động của ĐHH được cải thiện, ngoài tiền lương theo cấp bậc, chức vụ, hàng tháng công chức, viên chức và người lao động còn nhận thêm thu nhập tăng thêm từ 0,25 đến 0,3 lần mức lương cấp bậc, chức vụ (Bảng 3).

Tuy nhiên, mức chi trả thu nhập tăng thêm của các đơn vị trong ĐHH chưa đồng đều (mức thấp nhất là 0,1 và mức cao nhất là 0,6), có đơn vị không chi trả thu nhập tăng thêm do nguồn thu thấp và không cân đối được kinh phí. ĐHH chưa điều hành kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ theo một mức thống nhất. Chi trả thu nhập tăng thêm còn mang tính cào bằng, chưa căn cứ vào kết quả xếp loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm. Khoản chi này chưa thể hiện được nguyên tắc người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn.

**Bảng 3.** Tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm của Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	Tốc độ tăng BQ (%)
1. Quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ (Tr. đ)	205.681	251.314	263.123	280.417	310.335	8,5
2. Thu nhập tăng thêm (Tr. đ)	68.188	77.842	78.161	83.485	77.421	2,5
3. Tỷ lệ giữa thu nhập tăng thêm và quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ (lần)	0,33	0,31	0,30	0,30	0,25	-5,5

Nguồn: Báo cáo tài chính Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017

#### 4.4 Cơ chế tự chủ về sử dụng kết quả tài chính trong năm và các quỹ

Trích lập các quỹ trong giai đoạn 2013 – 2017 tăng bình quân 16,9%; chi từ các quỹ tăng bình quân 6,3%; số dư của các quỹ tăng bình quân 46,5%. Việc trích lập các quỹ đã tạo điều kiện cho đơn vị thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động (thu nhập của cán bộ, giáo viên ngày càng tăng; tăng cường đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị phục vụ tốt đào tạo và NCKH). Số dư của các quỹ qua các năm tương đối lớn và tăng bình quân 46,5%, đảm bảo để ĐHH chi các chế độ phúc lợi, khen thưởng và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH (Bảng 4).

Tuy nhiên, ĐHH chưa điều hành kinh phí để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đối ứng kinh phí XDCB và chủ động trong đầu tư xây dựng phục vụ cho hoạt động chung của ĐHH; chưa có quỹ phúc lợi chung để chi cho người lao động trong toàn ĐHH, tránh tình trạng chênh lệch phúc lợi các ngày lễ, Tết giữa các đơn vị hiện nay.

**Bảng 4.** Sử dụng kết quả tài chính trong năm và các quỹ tại Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017

Chỉ tiêu	2013 (Tr. đ)	2014 (Tr. đ)	2015 (Tr. đ)	2016 (Tr. đ)	2017 (Tr. đ)	Tốc độ tăng BQ (%)
<b>1. Trích lập các quỹ</b>	<b>57.050</b>	<b>56.844</b>	<b>102.722</b>	<b>121.767</b>	<b>124.432</b>	<b>16,9</b>
Quỹ khen thưởng	4.518	3.495	7.255	8.064	9.748	16,6
Quỹ phúc lợi	13.634	17.417	31.867	39.666	34.841	20,6
Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	2.365	982	7.099	9.187	6.024	20,6
Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	36.533	34.950	56.501	64.850	73.819	15,1
<b>2. Chi từ các quỹ</b>	<b>48.324</b>	<b>50.576</b>	<b>46.957</b>	<b>47.954</b>	<b>65.552</b>	<b>6,3</b>
Quỹ khen thưởng	2.270	4.170	3.166	3.922	6.024	21,6
Quỹ phúc lợi	12.875	15.921	19.728	21.964	29.061	17,7
Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	2.354	3.085	4.107	480	369	-31,0
Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	30.825	27.400	19.956	21.588	30.098	-0,5
<b>3. Chênh lệch</b>	<b>8.726</b>	<b>6.268</b>	<b>55.765</b>	<b>73.813</b>	<b>58.880</b>	<b>46,5</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính Đại học Huế trong giai đoạn 2013 – 2017

#### 4.5 Đánh giá mức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

Mức tự bảo đảm chi thường xuyên: Xét về tổng thể ĐHH thì mức tự bảo đảm chi thường xuyên bình quân trong giai đoạn 2013 – 2017 là 78,5%. Kết hợp với nguồn NSNN cấp để chi thường xuyên nữa nên chênh lệch thu – chi hoạt động thường xuyên qua các năm đều dương. Điều này có nghĩa là hoạt động thường xuyên của toàn ĐHH luôn được đảm bảo bằng nguồn kinh phí chắc chắn để thực hiện cơ chế TCTC tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (Bảng 5).

Nếu xét về từng đơn vị trực thuộc ĐHH, các đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên cao và ổn định qua các năm gồm: Trường ĐH Luật, Trung tâm GDTX, Trung tâm GDQP&AN, Trường ĐHYD, Trung tâm PVSU, Nhà xuất bản, Trung tâm GDQT, Trường ĐHNN, Trung tâm Học liệu, Trường ĐHKT, Trường ĐHNL và Trường ĐHKH. Các đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên thấp và không ổn định qua các năm gồm: Trường ĐHSP, Trường ĐHNT, Phân hiệu Quảng Trị, Cơ quan ĐHH (bao gồm cả Khoa Du lịch và Khoa GDTC), Viện CNSH, Viện TNMT...(Bảng 5). Nguyên nhân là các đơn vị này có đào tạo ngành sư phạm được NSNN cấp



bù học phí (phần kinh phí này không tính vào nguồn thu sự nghiệp) và một số đơn vị tuyển sinh không đủ chỉ tiêu, mới thành lập nên việc khai thác nguồn thu sự nghiệp khó khăn.

**Bảng 5.** Mức tự bảo đảm chi thường xuyên của ĐHH trong giai đoạn 2013 – 2017

Nội dung	2013			2014			2015			2016			2017			Mức tự bảo đảm kinh phí bình quân (%)	
	Thu sự nghiệp (Tr. đ)	Chi thường xuyên (Tr. đ)	Mức tự bảo đảm kinh phí (%)	Thu sự nghiệp (Tr. đ)	Chi thường xuyên (Tr. đ)	Mức tự bảo đảm kinh phí (%)	Thu sự nghiệp (Tr. đ)	Chi thường xuyên (Tr. đ)	Mức tự bảo đảm kinh phí (%)	Thu sự nghiệp (Tr. đ)	Chi thường xuyên (Tr. đ)	Mức tự bảo đảm kinh phí (%)	Thu sự nghiệp (Tr. đ)	Chi thường xuyên (Tr. đ)	Mức tự bảo đảm kinh phí (%)		
Đại học Huế	628.732	816.189	77,0	698.279	921.775	75,8	733.521	935.105	78,4	804.285	1.005.021	80,0	870.154	1.070.309	81,3	78,5	
Trường ĐHL	29.726	18.380	161,7	37.246	70.960	52,5	54.096	54.957	98,4	47.217	49.912	94,6	63.007	67.292	93,6	100,2	
Trung tâm GD TX	78.671	75.520	104,2	75.039	74.999	100,1	54.910	56.303	97,5	52.366	46.902	111,6	18.250	22.018	82,9	99,3	
TT GDQP&AN	14.522	13.978	103,9	16.048	16.440	97,6	14.036	15.406	91,1	13.765	13.479	102,1	5.813	6.725	86,4	96,2	
Trường ĐHYD	207.134	229.502	90,3	247.535	257.373	96,2	291.626	306.711	95,1	337.754	349.493	96,6	415.167	408.707	101,6	95,9	
Trung tâm PVS V	6.942	7.245	95,8	5.871	6.394	91,8	5.023	5.483	91,6	5.394	5.555	97,1	6.470	6.749	95,9	94,4	
Nhà xuất bản	2.766	2.781	99,5	2.132	2.400	88,8	2.146	2.468	87,0	1.788	1.788	100,0	2.271	2.466	92,1	93,5	
Trung tâm GDQT	2.669	4.047	66,0	2.591	2.657	97,5	1.228	1.639	74,9	1.004	1.290	77,8	1.813	1.998	90,7	81,4	
Trường ĐHNN	32.166	56.594	56,8	55.185	55.975	98,6	40.016	51.284	78,0	43.898	56.274	78,0	50.365	60.826	82,8	78,9	
Trung tâm Học liệu	2.656	3.567	74,5	2.474	4.474	55,3	2.074	3.480	59,6	2.499	2.518	99,2	2.391	2.391	100,0	77,7	
Trường ĐHK T	58.464	77.325	75,6	60.136	94.859	63,4	61.170	79.610	76,8	65.766	84.426	77,9	70.508	89.020	79,2	74,6	
Trường ĐHN L	40.385	65.731	61,4	48.036	67.280	71,4	55.781	81.501	68,4	67.923	83.959	80,9	64.920	86.539	75,0	71,4	
Trường ĐHK H	55.683	76.711	72,6	48.800	77.363	63,1	59.583	83.369	71,5	63.930	99.251	64,4	68.073	88.233	77,2	69,7	
Viện TNMT	2.730	3.167	86,2	3.474	4.015	86,5	2.242	3.189	70,3	798	2.079	38,4	1.856	2.800	66,3	69,5	
Cơ quan ĐH Huế	50.421	70.655	71,4	52.131	74.561	69,9	52.081	75.371	69,1	54.821	76.538	71,6	51.733	93.322	55,4	67,5	
Trung tâm CNTT										187	622	30,1	484	566	85,5	57,8	
Viện CNSH	175	640	27,3	497	1.770	28,1	1.445	2.657	54,4	2.357	3.439	68,5	3.163	4.878	64,8	48,6	
Trường ĐHN T	7.916	15.664	50,5	7.597	14.271	53,2	6.626	14.891	44,5	6.366	14.402	44,2	4.559	17.432	26,2	43,7	
PH ĐHH tại QT	1.417	5.072	27,9	1.876	5.127	36,6	2.055	5.724	35,9	2.622	6.103	43,0	2.662	7.032	37,9	36,2	
Trường ĐHSP	34.289	89.610	38,3	31.611	90.857	34,8	27.383	91.062	30,1	33.830	106.991	31,6	36.649	101.315	36,2	34,2	

Nguồn: Báo cáo quyết toán ĐHH trong giai đoạn 2013 – 2017

Mức tự bảo đảm chi đầu tư: Các đơn vị đều đảm bảo tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo (3m<sup>2</sup>/1 SV). Một số đơn vị còn vượt xa quy định tại Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/9/2015 về quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học. Với suất vốn đầu tư xây dựng quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-BXD ngày 12/10/2018 là 6,37 triệu đồng/1m<sup>2</sup> sàn, các đơn vị có thể tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học bằng Quỹ phát triển hoạt

động sự nghiệp hiện có và NSNN cấp (Bảng 6). Do vậy, các đơn vị có thể tự bảo đảm chi đầu tư.

**Bảng 6.** Diện tích sàn xây dựng và kinh phí để tiếp tục đầu tư xây dựng của một số đơn vị trực thuộc Đại học Huế

Tên đơn vị	Diện tích sàn xây dựng hiện có				Kinh phí để tiếp tục đầu tư xây dựng (Tr.đ)			Số m <sup>2</sup> sàn có thể xây dựng (m <sup>2</sup> )
	Số SV (SV)	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ diện tích xây dựng/SV (m <sup>2</sup> /SV)	So với tiêu chuẩn quy định (lần)	Tổng số kinh phí	Quỹ phát triển HĐSN	NSNN	
Trường ĐHYD	8.311	35.459	18	6,0	86.320	86.320		13.551
Trường ĐHKH	5.166	26.600	7	2,3	42.028	10.379	31.649	6.598
Trường ĐHNN	4.714	19.486	30	10	13.112	13.112		2.058
Trường ĐHKT	5.876	16.809	24	8	59.468	2.981	56.487	9.336
Trường ĐHSP	5.865	26.337	26	8,7	5.390	5.390		846
Trường ĐHNT	615	10.935	53	17,7	9	9		1
Trường ĐHNL	6.822	27.038	3	1,0	52.547	12.789	39.758	8.249
Trường ĐHL	3.904	13.910	14	4,7	41.972	41.972		6.589
PH ĐHH tại QT	364	34.439	14	4,7	0	0		0

Nguồn: Website báo cáo 3 công khai và Báo cáo thống kê, tài chính năm học 2017 – 2018

#### 4.6 Cơ chế phân cấp quản lý tài chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo phân cấp, ủy quyền cho ĐHH thực hiện về quản lý đầu tư, mua sắm tài sản, cải tạo và sửa chữa thường xuyên công trình xây dựng; thanh lý tài sản và quản lý, sử dụng tài sản công theo từng quyết định cụ thể và phân cấp công tác QLTC theo Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014. ĐHH phân cấp mạnh công tác QLTC cho các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT (GTTB từ 3,03 đến 4,18) và đã tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị khai thác tốt nguồn thu và giảm chi phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành nguồn tài chính của đơn vị (Bảng 7). Tuy nhiên, mức độ phân cấp của Bộ GDĐT cho ĐHH chưa tương xứng với Đại học vùng với nhiều trường đại học thành viên, dẫn đến việc thực hiện TCTC của các trường trực thuộc ĐHH còn gặp khó khăn hơn các trường trực thuộc Bộ GDĐT (GTTB 2,08). Cần nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm mô hình Đại học vùng để từ đó có sự phân cấp hợp lý giữa Bộ GDĐT và ĐHH, giữa ĐHH và các đơn vị trực thuộc mà đặc biệt là trong công tác QLTC.

Kết quả khảo sát 110 cán bộ quản lý và nhân viên kế toán của ĐHH vào tháng 7/2018 như sau.

**Bảng 7.** Kết quả điều tra, khảo sát về phân cấp công tác QLTC tại Đại học Huế

Nội dung	% người trả lời theo các mức độ					GTT B (%)
	1	2	3	4	5	
1. Bộ GDĐT đang làm quá nhiều công việc ở tầm vĩ mô mà lẽ ra việc đó nên để cho Đại học Huế tự quyết định?	0	0	12,73	40,91	46,36	4,34
2. Bộ GDĐT phân cấp QLTC cho ĐHH theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT là hợp lý?	20,00	62,73	9,09	8,18	0	2,05
3. ĐHH phân cấp công tác QLTC cho các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định tại Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT?	0	3,64	14,55	69,09	12,73	3,91
4. ĐHH phân cấp mạnh công tác QLTC đối với nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên?	0	0	20,00	54,55	25,45	4,05
5. Cần phân cấp mạnh công tác QLTC đối với nguồn kinh phí NSNN đầu tư XDCB và chương trình mục tiêu quốc gia?	0	0	25,45	55,45	19,09	3,94
6. ĐHH phân cấp mạnh công tác QLTC cho các đơn vị trực thuộc đối với nguồn thu sự nghiệp, hoạt động SXKD và thu khác?	0	0	14,55	52,73	32,73	4,18
7. ĐHH quy định rõ ràng, cụ thể việc phân cấp và cơ chế phối hợp trong công tác QLTC?	0	10,91	31,82	54,55	2,73	3,49
8. Mức thu kinh phí điều hành học phí từ các đơn vị trực thuộc để chi cho công tác quản lý điều hành chung tại ĐHH là hợp lý?	0	20,91	55,45	23,64	0	3,03
9. ĐHH nên tăng mức thu kinh phí điều hành học phí để chi phúc lợi, tăng cường cơ sở vật chất cho các đơn vị trực thuộc?	0	7,27	52,73	40,00	0	3,33
10. Nên thống nhất mức chi tiền lương tăng thêm trong toàn Đại học Huế, các đơn vị có thể chi thêm lương tăng thêm cho cán bộ của đơn vị mình?	8,18	40,91	20,91	21,82	8,18	2,81
11. Nên thống nhất mức chi thanh toán giờ giảng trong toàn Đại học Huế?	13,64	50,00	8,18	23,64	4,54	2,65
12. Việc phân cấp công tác QLTC đã tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong nội bộ Đại học Huế?	1,82	10,91	34,55	51,82	0,91	3,39
13. Mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị trực thuộc của Đại học Huế còn hạn chế hơn các trường ĐHCL trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo?	0	10,00	21,82	57,27	10,91	3,69

Ghi chú: Theo thang đo từ 1– Rất không đồng ý đến 5–Rất đồng ý,  $n = 110$

Nguồn số liệu: xử lý số liệu điều tra tháng 7/2018

## 5 Một số giải pháp chủ yếu để hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính tại Đại học Huế

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và các quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, dự thảo của Luật GDĐH sửa đổi đã thông qua tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội lần thứ XIV, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện cơ chế TCTC tại ĐHH như sau:

### 5.1 Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý tài chính

*Thứ nhất*, xây dựng Đề án thực hiện đơn vị dự toán cấp 1 là yêu cầu bức thiết của thực tế quản lý giáo dục đại học trong nước nói chung và tại ĐHH – Đại học vùng với mô hình đại học 2 cấp nói riêng theo Thông báo số 38/TB-VPCP ngày 24/01/2018 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với ĐHH để nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Đại học Huế và các đơn vị trực thuộc.

*Thứ hai*, tiếp tục phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị. Việc phân cấp cần thực hiện trên cơ sở đơn vị thực hiện TCTC càng cao thì phân cấp nhiều, đơn vị TCTC thấp thì phân cấp ít. Cần phân cấp trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị cho các đơn vị trực thuộc với giá trị các gói thầu cao hơn 100 triệu đồng.

*Thứ ba*, thành lập nhóm nghiên cứu cơ chế phân cấp của các đơn vị có mô hình tương tự như ĐH Đà Nẵng, ĐH Thái nguyên, ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP.HCM, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm, đề xuất hoàn chỉnh cơ chế phân cấp cho phù hợp. Phân cấp hợp lý QLTC giữa ĐHH và các đơn vị trực thuộc đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính trên cơ sở có tính đến đặc điểm từng loại hình đơn vị, khả năng và nhu cầu, trình độ quản lý.

### 5.2 Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế tự chủ về nguồn thu, mức thu

*Thứ nhất*, làm việc với Bộ GDĐT để có phương án giao dự toán NSNN tương xứng với Đại học vùng, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt sự nghiệp GDĐT của ĐHH.

*Thứ hai*, tăng cường khai thác nguồn thu phí, lệ phí bằng việc đa dạng hóa các loại hình và phương thức đào tạo như vừa học vừa làm, liên thông, liên kết đào tạo.... Chú trọng đào tạo các ngành học theo nhu cầu xã hội; đào tạo các ngành chất lượng cao, các ngành song ngữ (các ngành của trường ĐHKHT, ĐHYD, ĐHL, ĐHSP...) từ đó đưa ra các mức thu học phí khác nhau phù hợp với chất lượng đào tạo cung cấp cho người học và xã hội.

*Thứ ba*, tăng cường công tác quảng bá và tư vấn tuyển sinh, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường trung học phổ thông, Đoàn Thanh niên các tỉnh, thành phố, đặc biệt là các

tỉnh miền Trung và Tây Nguyên tổ chức ngày hội tuyển sinh, tuyên truyền trên các kênh phát thanh, truyền hình, báo chí, pano, áp phích... để tuyển đủ chỉ tiêu tuyển sinh nhằm tăng nguồn thu cho đơn vị.

*Thứ tư*, tăng cường tổ chức các loại hình SXKD và cung ứng dịch vụ; rà soát lại cơ sở vật chất hiện có để lập đề án kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết, thành lập các doanh nghiệp trực thuộc các đơn vị; tập trung thực hiện các đề tài NCKH trọng điểm, cấp nhà nước, cấp bộ để thương mại hóa, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để tăng nguồn thu cho đơn vị.

*Thứ năm*, thành lập nhóm vận động, tìm kiếm, thu hút nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho ĐHH; khuyến khích bằng hình thức khen thưởng hoặc chi phần trăm trên tổng nguồn thu cho những cá nhân và tập thể có thành tích trong việc thu hút tài trợ cho ĐHH từ các chương trình và dự án.

### **5.3 Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế tự chủ về sử dụng nguồn tài chính**

*Thứ nhất*, cần định biên công việc của từng cán bộ làm căn cứ để tinh giản biên chế nhằm giảm quỹ lương và một số khoản chi khác. Tăng chi cho công tác giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên bằng cách tiết kiệm chi phí quản lý hành chính.

*Thứ hai*, cần có chính sách, quy định để thống nhất chi một số nội dung chi như: thanh toán giờ giảng, tiền lương tăng thêm; chi phúc lợi các ngày lễ, tết... tránh tình trạng chênh lệch thu nhập khá lớn của cán bộ giữa các đơn vị trực thuộc ĐHH như hiện nay.

### **5.4 Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế tự chủ về tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm; sử dụng kết quả tài chính trong năm và các quỹ**

*Thứ nhất*, ĐHH nên điều hành kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm, phúc lợi theo một mức thống nhất. Các đơn vị trực thuộc, tùy vào nguồn kinh phí, có thể chi trả thêm phần thu nhập tăng thêm, phúc lợi cho cán bộ của đơn vị mình. Cần căn cứ vào kết quả xếp loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm để chi trả thu nhập tăng thêm đảm bảo được nguyên tắc người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn.

*Thứ hai*, ĐHH điều hành chung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đối ứng kinh phí XDCB và chủ động trong đầu tư xây dựng phục vụ cho hoạt động chung của ĐHH.

### **5.5 Nhóm giải pháp lựa chọn loại hình tự chủ tài chính**

*Thứ nhất*, các đơn vị gồm: Trường ĐHYD, Trường ĐHL, Trường ĐHKT, Trường ĐHNN và Trường ĐHNL thực hiện cơ chế TCTC đối với đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường

xuyên và chi đầu tư để tăng mức thu học phí, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhằm chủ động hơn trong quyết định các hoạt động của đơn vị (Bảng 8). Lộ trình thực hiện như sau: Năm 2019 – 2020: Trường ĐHYD, ĐHL, ĐHKT; năm 2021 – 2022: ĐHNN, ĐHNL.

*Thứ hai*, các Viện nghiên cứu, Trung tâm, Nhà xuất bản thực hiện cơ chế TCTC đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên. Đơn vị nào hoạt động không hiệu quả thì sáp nhập để hoạt động có hiệu quả hơn. Đại học Huế có thể hỗ trợ một phần kinh phí cho các đơn vị có các hoạt động chung của Đại học Huế.

*Thứ ba*, các đơn vị gồm Cơ quan Đại học Huế (bao gồm cả Khoa Du lịch và Khoa GDTC), Trường ĐHKH, Trường ĐHSP, Trường ĐHNT và Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

**Bảng 8.** Mức thu học phí khi thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

Đơn vị tính: nghìn đồng

Nội dung	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2017 (%)	Mức học phí tối đa/1 tháng/1 SV khi thực hiện cơ chế TCTC đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên				Mức học phí tối đa/1 tháng/1 SV khi thực hiện cơ chế TCTC đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
		Chính quy		Không chính quy		Chính quy		Không chính quy	
		2019–2020	2020–2021	2019–2020	2020–2021	2019–2020	2020–2021	2019–2020	2020–2021
Trường ĐHYD	101,58	1.300	1.430	1.950	2.145	4.600	5.050	6.900	7.575
Trường ĐHNN	82,80	890	980	1.335	1.470	1.850	2.050	2.775	3.075
Trường ĐHKT	79,20	890	980	1.335	1.470	1.850	2.050	2.775	3.075
Trường ĐHL	93,63	890	980	1.335	1.470	1.850	2.050	2.775	3.075
Trường ĐHNL	80,90	890	980	1.335	1.470	1.850	2.050	2.775	3.075

Nguồn: QĐ số 1072/QĐ-ĐHH và Nghị định 86/2015/NĐ-CP

### 5.6 Nhóm giải pháp ban hành văn bản pháp quy để thực hiện cơ chế tự chủ tài chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của cơ sở GDĐH công lập và các văn bản có liên quan đến TCTC cần tập trung vào một số điểm sau:

*Thứ nhất*, giao quyền tự chủ đối với các trường ĐH khi đã đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT, giao TCTC phải gắn liền với tự chủ trong quản lý điều hành, đào tạo, tuyển sinh, NCKH và nhân sự.

*Thứ hai*, các trường tự quyết định chế độ chi trả lương đối với giảng viên và cán bộ gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc; đồng thời phải chịu trách nhiệm trong việc đáp ứng các tiêu chí chất lượng đào tạo đã đăng ký theo quy định kiểm định và chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội về chất lượng đào tạo và công khai minh bạch các khoản thu, chi tài chính. Bỏ quy định khống chế tỷ lệ chi thu nhập tăng thêm hiện nay.

*Thứ ba*, nhà nước tiếp tục đảm bảo kinh phí hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách xã hội, các đối tượng nghèo để được tiếp cận các dịch vụ giáo dục đại học.

*Thứ tư*, đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách theo tiêu chí đầu ra, gắn với các mục tiêu công bằng và hiệu quả, gắn với nhu cầu, cơ cấu ngành nghề trong giáo dục đào tạo đại học, có sự phân biệt giữa cơ sở hoạt động có chất lượng, hiệu quả với cơ sở kém chất lượng, không hiệu quả.

*Thứ năm*, định mức, chế độ, tiêu chuẩn chi tiêu NSNN cần được đổi mới trên cơ sở hạn chế số lượng định mức cứng, tăng số lượng khung định mức, trần định mức để các trường áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách.

*Thứ sáu*, thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng sản phẩm đào tạo đối với những ngành nghề ít có khả năng xã hội hóa, đồng thời tăng cường chính sách khuyến khích để thu hút nguồn lực xã hội cho các ngành nghề đào tạo có khả năng xã hội hóa.

*Thứ bảy*, nghiên cứu, hướng dẫn áp dụng cơ chế tính giá phí dịch vụ đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo của các trường ĐHCL. Vận dụng cách thức quản trị các trường ĐHCL theo mô hình quản lý doanh nghiệp.

*Thứ tám*, quy định rõ cơ chế tự chủ của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

## 6 Kết luận

Cơ chế TCTC của Nhà nước đối với GDĐH nói chung và ĐHH nói riêng đã và đang đổi mới liên tục. Trên cơ sở đó, ĐHH đã tiến hành đổi mới và thực hiện tốt cơ chế TCTC đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên. Những đổi mới trên đã góp phần mạnh mẽ vào sự phát triển của ĐHH và các đơn vị trực thuộc trong thời gian vừa qua. Đại học Huế đã mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế và dẫn đầu định vai trò là trung tâm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện cơ chế TCTC vẫn còn gặp khó khăn, vướng mắc đòi hỏi sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Chính phủ đối với Đại học vùng để tiếp tục thực hiện cơ chế TCTC. Nghiên cứu này đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế TCTC giúp

ĐHH tăng cường các nguồn thu, xác định mức thu hợp lý; xác định nội dung chi, mức chi thích hợp; cách chi trả thu nhập tăng thêm đảm bảo hợp lý theo hướng làm theo năng lực hưởng theo lao động; hướng dẫn trích lập và sử dụng các quỹ để chi trả phúc lợi, chi đầu tư xây dựng và chi trả thu nhập cho cán bộ. Từ đó, ĐHH lựa chọn loại hình TCTC phù hợp với điều kiện của từng đơn vị nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của ĐHH nói chung và các đơn vị trực thuộc nói riêng trong thời gian tới.

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014*, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Quyết định 1442/2017/QĐ-BGDĐT ngày 23/9/2015*, Phân cấp trong quản lý đầu tư, mua sắm tài sản, cải tạo và sửa chữa thường xuyên công trình xây dựng của Đại học Huế.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quyết định 5578/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2018*, Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Bộ GDĐT và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.
4. Bộ Tài chính (2006), *Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006*, Hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
5. Nguyễn Đức Cân (2012), *Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập ở Việt Nam*.
6. Chính Phủ (2006), *Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006*, Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
7. Chính phủ (2015), *Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015*, Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Chính phủ (2015), *Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015*, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021.
9. Đại học Huế (2009), *Quyết định 1389/QĐ-ĐHH ngày 10/7/2014*, Ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHH, các trường thành viên và đơn vị trực thuộc.
10. Đại học Huế (2016), *Quyết định 1217/QĐ-ĐHH ngày 28/9/2016*, Ban hành kế hoạch chiến lược phát triển ĐHH trong giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn 2030.



11. Đại học Huế (2018), Quyết định 389/QĐ-ĐHH ngày 09/4/2018, Ban hành quy trình công tác Văn phòng và các Ban chức năng ĐHH.

## SOLUTIONS TO ACCOMPLISH THE FINANCIAL AUTONOMY MECHANISM AT HUE UNIVERSITY

**Le Van Binh\*, Hoang Van Liem**

Hue University, 3 Le Loi St., Hue, Vietnam

University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

**Abstract:** This paper deals with the financial autonomy mechanism at Hue University on the basis of the secondary and primary data collected from accounting data, statistical reports, etc., and the survey results of 110 accountants and management staff. The results show that Hue University has promoted the decentralisation of financial management. It has basically implemented the autonomy mechanism of revenue and revenue levels; the use of financial resources; salaries, wages, and additional income; the use of annual financial results and funds, etc. This decentralisation enables Hue University to be proactive in managing its finance and assets and using the state budget economically and effectively. In addition, it also enhances revenue sources via the diversification of non-business activities, production and business, services, joint ventures, etc. However, with the 2-level university model (regional university) unlike the model of individual universities, the practice of financial autonomy still encounters several difficulties and obstacles regarding the mechanism, policy, and implementation. On the basis of assessing the situation of financial autonomy mechanism, the authors propose some solutions to accomplish this issue at Hue University in the coming time.

**Keywords:** autonomy mechanism, finance, finance autonomy, university, higher education, Hue University